TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /2019/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Chung Thị Ngọc K, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Phạm Văn S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Mỹ A, sinh ngày 28/10/2013. Hiện nay, con đang sống với chị K, khi ly hôn chị K nuôi con chung, anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thống nhất không có.

[4] Về nợ chung: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thống nhất không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thỏa thuận mỗi người nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S.

- Về con chung: Chị K trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Mỹ A, sinh ngày 28/10/2013, anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thống nhất không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S thống nhất không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Chung Thị Ngọc K và anh Phạm Văn S mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 000446, 000447 cùng ngày 19/02/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA) (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T, huyện M,
Tỉnh Bến Tre (ĐKKH số 38, ngày 04/6/2013 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT (3b)

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên